

ẢNH HƯỞNG CỦA KẾ TOÁN SÁNG TẠO ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TRONG DOANH NGHIỆP

THE EFFECTS OF CREATIVE ACCOUNTING ON FINANCIAL STATEMENTS IN THE ENTERPRISES

Lê Thị Thanh Hải^{1,*}, Nguyễn Hồng Nga²

TÓM TẮT

Kế toán sáng tạo là một chủ đề nghiên cứu thu hút nhiều sự quan tâm, vì nó liên quan đến việc điều chỉnh số liệu kế toán thực tế theo cách ban điều hành mong muốn, thông qua việc lợi dụng các quy định kế toán hiện hành hoặc phớt lờ các quy định này. Ở Việt Nam, nền kinh tế đang phát triển với thị trường vốn còn non trẻ, trong xu thế hội nhập kinh tế toàn cầu, các hành vi kế toán sáng tạo cần được kiểm soát chặt chẽ nhằm đáp ứng yêu cầu về minh bạch và chất lượng công bố thông tin. Bài báo trình bày về những vấn đề liên quan đến kế toán sáng tạo, ảnh hưởng của kế toán sáng tạo đến báo cáo tài chính và đưa ra một số hàm ý đối với cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Báo cáo tài chính; doanh nghiệp; kế toán sáng tạo; thủ thuật.

ABSTRACT

Creative accounting is a research topic that attracts a lot of attention, as it involves adjusting actual accounting data according to the way the board of directors wants it, through taking advantage of regulations current accounting or ignore these regulations. In Vietnam, a developing economy with a fledgling capital market, in the trend of global economic integration, creative accounting behaviors need to be strictly controlled to meet the requirements of transparency and quality of information disclosure. The article discusses issues related to creative accounting, the impact of creative accounting on financial statements and gives some implications for the business community in Vietnam today.

Keywords: Financial statements; business; creative accounting; tips.

¹Phòng Quản lý đào tạo, Trường Đại học Thương mại

²Khoa Kế toán Kiểm toán, Trường Đại học Thương mại

*Email: nghialehai@tmu.edu.vn

Ngày nhận bài: 02/3/2021

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 16/4/2021

Ngày chấp nhận đăng: 25/4/2021

1. GIỚI THIỆU

Kế toán sáng tạo (KTST) là việc sử dụng kiến thức kế toán để tác động đến số liệu báo cáo tài chính (BCTC) thông qua đó nhằm phản ánh tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp (DN) theo cách mà ban điều hành mong muốn, thay vì trình bày trung thực các số liệu này, trong khuôn khổ pháp luật và các quy tắc kế toán cho phép. Kế toán sáng tạo tuy không phải là hoạt động bất hợp pháp nhưng ranh giới giữa gian lận kế toán và việc sử dụng kế toán sáng tạo hợp pháp hiện nay rất khó xác

định. Từ thực tế tính phức tạp và đa dạng của các nghiệp vụ kinh doanh đặc thù trong DN, mức độ tinh vi của các thủ thuật KTST ngày càng tăng, nên việc nghiên cứu và phân tích các ảnh hưởng của KTST đến BCTC là hết sức cấp thiết trong giai đoạn hiện nay. Đặc biệt tại Việt Nam, khi nền kinh tế đang phát triển với thị trường vốn còn non trẻ, trong xu thế hội nhập kinh tế toàn cầu, các hành vi KTST cần được kiểm soát chặt chẽ nhằm đáp ứng yêu cầu về minh bạch và chất lượng công bố thông tin. Vì vậy, bài báo này trình bày những vấn đề liên quan đến KTST, ảnh hưởng của KTST đến BCTC và đưa ra một số hàm ý đối với các DN Việt Nam hiện nay.

2. QUAN ĐIỂM VỀ KẾ TOÁN SÁNG TẠO

Hiện nay, trong lĩnh vực tài chính - kế toán tồn tại nhiều định nghĩa khác nhau về KTST. Naser đưa ra định nghĩa "KTST là sự biến hóa các con số trong báo cáo tài chính từ thực chất của chúng sang những con số mà người thực hiện mong muốn bằng cách lợi dụng các quy định có sẵn hoặc phớt lờ một số hay tất cả những quy định đó" [2]. Một số phương thức tạo ra cơ hội thực hiện hành vi KTST gồm: cho phép DN lựa chọn giữa các phương pháp kế toán khác nhau; một số khoản mục trình bày trên báo cáo tài chính liên quan tới các ước tính, quyết định và dự báo; một số giao dịch tự tạo có thể dùng, để thao túng bảng cân đối kế toán và chuyển lợi nhuận giữa các kỳ; các giao dịch có thể được sắp đặt để cho thấy kết quả ấn tượng trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Tương tự, Charles và Eugene nhận định KTST là sự lựa chọn có chủ ý các quy định kế toán nhằm thao túng lợi nhuận, để hướng tới mục tiêu bởi các cấp quản lý hoặc để làm lợi nhuận trở nên đẹp hơn [1]. Do vậy, KTST luôn cố gắng "thổi phồng" giá trị trong BCTC. Việc áp dụng kế toán sáng tạo để điều chỉnh kết quả kinh doanh của DN về bản chất chỉ là thủ thuật chuyển đổi lãi/lỗ giữa các kỳ (tổng lãi/lỗ của DN của cả giai đoạn là không đổi). Đến một thời điểm nhất định trong tương lai, hành vi kế toán sáng tạo sẽ bị phát hiện khi DN không thể che giấu các khoản nợ hoặc lỗ lũy kế.

Đồng với quan điểm đó, Nguyễn Thị Hồng Liên và Đào Thị Ngân cho rằng KTST là việc sử dụng kiến thức kế toán để tác động đến số liệu BCTC, nhằm phản ánh tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của DN theo cách mà lãnh đạo DN mong muốn, thay vì trình bày trung thực các số liệu này, trong khung khổ pháp luật và các quy tắc kế toán cho

phép [4]. KTST có thể bao gồm bán tài sản với giá thấp, chuyển giao số lượng hàng hóa lớn bất thường vào dịp cuối năm, và không thực hiện ghi giảm lượng hàng tồn kho đã bị giảm giá trị trước đó. Tương tự, Nguyễn Khánh Thu Hằng và Nguyễn Thị Đoàn Trang cho rằng “KTST là hành vi ghi nhận thu nhập theo cách riêng, làm cho BCTC của DN trở nên đẹp hơn thực chất của nó, trong khi hành vi này vẫn tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán” [5]. KTST luôn cố gắng thổi phồng giá trị trong BCTC, ví dụ như bán tài sản vào thời điểm cuối năm nhằm tạo một khoản lợi nhuận để bù đắp cho một khoản thua lỗ trước đó. Một số người cho rằng, KTST nhằm che giấu thực chất tài chính của một DN nhưng “KTST về cơ bản là hợp pháp”. Nguyễn Văn Hòa cũng cho rằng KTST bao gồm các nghiệp vụ kế toán tuân theo các luật và quy định bắt buộc, nhưng sai lệch so với những gì các chuẩn mực đó dự định đạt được [6]. KTST lợi dụng những kẽ hở trong các chuẩn mực kế toán để vẽ nên hình ảnh tốt hơn và sai lệch về công ty.

Như vậy, kế toán sáng tạo là việc vận dụng linh hoạt và sáng tạo các kỹ thuật trong kế toán, hay còn gọi là các "thủ thuật", để "biến tấu" thông tin trên BCTC, nhằm tác động đến nhận thức của người đọc BCTC. Kế toán sáng tạo là một quá trình, trong đó kế toán sử dụng các kiến thức về các nguyên tắc, chuẩn mực, phương pháp kế toán, để điều chỉnh các con số được trình bày trên BCTC của một DN. Có thể hiểu, KTST là một quá trình, trong đó kế toán sử dụng các kiến thức về các nguyên tắc, chuẩn mực, phương pháp kế toán, để điều chỉnh các con số được trình bày trên BCTC của một doanh nghiệp (DN). Tại Việt Nam, hành vi này thường được gọi là “quản trị lợi nhuận”. Dù tên gọi khác nhau là KTST hay quản trị lợi nhuận, thì đó là việc làm thay đổi số liệu lợi nhuận, được thực hiện thông qua hành vi điều chỉnh doanh thu và chi phí bằng công cụ kế toán. Tùy thuộc vào từng quy định kế toán được ban hành, nó có thể ngăn chặn cũng như mở ra cách mới để nhà quản trị đạt được mục tiêu lợi nhuận. Thị trường chứng khoán tại Việt Nam đã và đang bước dần vào giai đoạn ổn định, chất lượng thông tin BCTC của các công ty niêm yết ngày càng được quan tâm, do đó, cần phải đánh giá các BCTC đó có sử dụng các thủ thuật KTST hay không. Mặt khác, nhiều kế toán viên trong các DN Việt Nam còn chưa hiểu rõ và đầy đủ về các hành vi KTST và tác động của KTST đến chất lượng thông tin BCTC. Vì vậy, phân tích ảnh hưởng của KTST đến BCTC từ góc nhìn của các nhà quản trị và kế toán viên là điều cần thiết và quan trọng.

3. BẢN CHẤT CỦA KẾ TOÁN SÁNG TẠO

3.1. Vì sao DN sử dụng KTST?

Động thái, phản ứng của các cổ đông và thị trường luôn có sự liên quan chặt chẽ tới hành vi của các nhà quản lý, ban giám đốc ngày càng bị đánh giá nhiều hơn dựa trên các chỉ tiêu lợi nhuận, tốc độ tăng trưởng và giá trị mỗi cổ phiếu,... Do vậy, các DN, đặc biệt là ban giám đốc luôn mong muốn các báo cáo tài chính sẽ thể hiện được thông điệp mà họ muốn các nhà đầu tư nhìn thấy, và đó là lúc họ cần đến KTST. Bởi lẽ, KTST là công cụ hữu hiệu giúp làm đẹp báo cáo tài chính mà vẫn không bị coi là vi phạm pháp luật.

- Làm đẹp thu nhập: Báo cáo một xu hướng ổn định trong sự gia tăng lợi nhuận hơn là cho thấy lợi nhuận với các đợt tăng giảm thất thường, tránh tạo ra sự kỳ vọng cao ở những năm làm ăn tốt mà DN không thể đạt được, che giấu những thay đổi dài hạn trong xu hướng lợi nhuận, hay thậm chí những công ty thua lỗ mong muốn phóng đại báo cáo lỗ của họ hơn nữa để những năm sau sẽ có vẻ cải thiện được tình hình tốt lên,...

- Duy trì hay làm tăng giá cổ phiếu, bằng cách giảm mức vay đáng kể hay tạo ra hình thức bề ngoài của một xu hướng lợi nhuận khả quan.

Câu hỏi lớn đặt ra là tại sao các công ty lại tiến hành các hoạt động KTST? Một trong những lý do là che giấu điều gì đó mà họ không muốn bên liên quan nhìn thấy hoặc không biết. Đối với các công ty đại chúng niêm yết, lý do chính là thúc đẩy giá cổ phiếu trên thị trường chứng khoán. Các lý do khác bao gồm mong muốn tránh nộp thuế vì KTST có thể làm tăng chi phí và giảm số thuế mà công ty phải trả cho chính phủ. Điều này là do thuế được tính dựa trên thu nhập ròng của công ty. Vì vậy, các công ty sẽ cố gắng giảm thiểu thu nhập của họ để giảm số tiền mà họ phải trả như thuế thu nhập. Các công ty tham gia vào các hoạt động KTST do các lý do như cơ cấu nợ của công ty, khó khăn tài chính, môi trường cạnh tranh ngày càng gay gắt, các thông lệ về cơ chế kiểm soát nội bộ, cơ cấu sở hữu của công ty và lợi ích của giám đốc điều hành (CEO) để tăng số liệu lợi nhuận.

Dưới đây là những nguyên nhân khiến các công ty niêm yết thao túng kế toán như sau: Giảm nhẹ thu nhập, công ty muốn thể hiện lợi nhuận tăng trưởng ổn định hơn là dao động cao hoặc thấp. Vì vậy, các công ty đã trích lập dự phòng nợ phải trả vào tài sản làm giảm lợi nhuận trong năm tốt. KTST có thể giúp duy trì hoặc tăng giá cổ phiếu bằng cách giảm mức đi vay rõ ràng, do đó làm cho công ty có vẻ ít rủi ro hơn bằng cách tạo ra xu hướng lợi nhuận tốt. Điều này giúp công ty huy động vốn từ các đợt phát hành cổ phiếu mới, chào bán cổ phiếu trong các cuộc đấu thầu và chống lại sự tiếp quản của công ty khác.

3.2. KTST có vi phạm pháp luật?

Những trường hợp thực tế, thực hiện hành vi thao túng BCTC nổi tiếng đều không phải KTST mà là gian lận. Tuy vậy, một điểm đặc trưng của KTST đó là nhằm mục đích thổi phồng hoặc làm giảm đi tình trạng kinh doanh sa sút kéo dài. Khi đó, KTST sẽ tiến gần hơn đến ranh giới phá bỏ rào cản pháp luật, nhà quản lý có thể mất đi tầm nhìn của mình, không còn nhận ra ranh giới giữa tuân thủ và phạm pháp, cuối cùng có thể trở thành ban giám đốc có hành vi gian lận, lừa đảo. Có thể nói, KTST không phải là phạm pháp nhưng nó có thể rơi vào vùng nguy hiểm, bị coi là phạm pháp nếu những giá trị thật bị bóp méo, thổi phồng quá nhiều xét về tổng thể. Một số kỹ thuật hợp pháp có thể được sử dụng, khi phải ước tính một số khoản mục nhất định trên báo cáo tài chính. Điều này khiến cho việc phân biệt giữa một ranh giới hợp pháp và không hợp pháp đối với KTST càng trở nên khó khăn. Chính vì sự mơ hồ không rõ ràng này mà có rất nhiều ý kiến trái chiều về KTST, có thể kể đến hai luồng phản ứng chính, đó là chấp

thuận và phân bác. Những người chấp thuận KTST cho rằng, các nguyên tắc kế toán chung được thừa nhận (GAAPs) đưa ra nhiều phương thức kế toán khác nhau để lựa chọn. Vậy nên khi áp dụng, DN có quyền lựa chọn những phương pháp nhất định mà họ đánh giá là phù hợp nhất cho BCTC của họ. Đây là bản chất của kinh doanh, công ty phải phản ánh được bức tranh tài chính khả quan nhất có thể và KTST có thể giúp ích trong nỗ lực này. Trong khi đó, luồng phản ứng bác bỏ KTST lại khẳng định KTST chính là sự thao túng trong kế toán, đi cùng sự thao túng là tính thiếu minh bạch, bóp méo sự thật, tất cả chỉ nhằm mục đích có được kết quả như mong muốn trong thời gian ngắn mà không hướng đến mục đích cuối cùng là làm tăng giá trị thực của DN. Nghiên cứu của Dechow và Slinner đã minh họa rất rõ nét về ranh giới mong manh giữa KTST và các sai phạm, KTST là việc dựa trên các quy định nhằm điều khiển các con số theo mong muốn của nhà quản trị, điều này dễ dẫn đến các sai phạm trong việc thực hiện công tác kế toán tại DN [3].

4. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN KẾ TOÁN SÁNG TẠO

Việc thực hiện KTST để điều chỉnh lợi nhuận của DN rất phong phú. Các phương pháp kế toán về doanh thu, vốn hóa, ghi nhận tài sản hay nợ phải trả có thể làm thay đổi những con số trên BCTC:

(1) Lựa chọn PP kế toán ảnh hưởng đến thời điểm ghi nhận doanh thu và chi phí: Lựa chọn phương pháp kế toán có ảnh hưởng đến thời điểm ghi nhận doanh thu và chi phí (và kết quả là ảnh hưởng đến thời điểm ghi nhận lợi nhuận). Lựa chọn một (hoặc một số) phương pháp kế toán cho phép ghi nhận doanh thu sớm hơn và chuyển dịch ghi nhận chi phí về sau sẽ làm tăng lợi nhuận báo cáo trong kỳ và ngược lại.

(2) Lựa chọn thời điểm ghi nhận chi phí và các ước tính kế toán: Chế độ kế toán cũng cho phép DN được phép vận dụng các phương pháp kế toán thông qua việc lựa chọn thời điểm ghi nhận chi phí. Nhà quản trị quyết định chuyển dịch về sau (hoặc ghi nhận sớm hơn) một số loại chi phí sẽ làm giảm (hoặc tăng) chi phí của niên độ hiện hành.

(3) Lựa chọn thời điểm mua hoặc bán tài sản: Lựa chọn thời điểm mua hay thanh lý, nhượng bán tài sản cố định cũng có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán. Nhà quản trị DN có thể quyết định khi nào và mức độ các chi phí quảng cáo, chi phí sửa chữa, nâng cấp cải tạo tài sản cố định được chi ra. Nhà quản trị cũng có thể quyết định thời điểm thanh lý, nhượng bán tài sản cố định để đẩy nhanh hoặc làm chậm lại việc ghi nhận lợi nhuận hay thua lỗ hoạt động khác.

5. ẢNH HƯỞNG CỦA KẾ TOÁN SÁNG TẠO ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

KTST liên quan đến việc điều chỉnh số liệu kế toán thực tế trên BCTC theo cách ban điều hành DN mong muốn. KTST gian lận theo nhiều cách khác nhau và khó xác định cụ thể. Những năm gần đây, với việc hàng loạt các DN niêm yết công bố kết quả kinh doanh thay đổi giữa trước và sau kiểm toán đã gây tâm lý hoang mang cho nhà đầu tư và sự

thiếu minh bạch của thị trường. Có thể thấy, ảnh hưởng của KTST đến BCTC như sau:

Đối với Báo cáo tình hình tài chính (Bảng cân đối kế toán)

- *Tài sản bị thổi phồng*: Tài sản bị thổi phồng có xu hướng ngày càng gia tăng, khi nhà quản trị có ý định làm tăng thu nhập. Các thủ thuật thổi phồng tài sản phổ biến như sau: Trì hoãn việc ghi giảm giá trị tài sản ngắn hạn; Ghi nhận thấp hơn khoản dự phòng đối với nợ xấu; Đẩy nhanh tiến độ ghi nhận doanh thu; Trì hoãn việc ghi giảm giá trị tài sản dài hạn; Ghi nhận thấp hơn giá trị hao mòn tài sản dài hạn.

- *Tài sản bị ghi nhận thấp hơn thực tế*: Tài sản bị ghi nhận thấp hơn thực tế khi nhà quản trị có xu hướng muốn giảm lợi nhuận, cụ thể khi doanh nghiệp có khả năng sinh lời lớn và nhà quản trị quyết định dự trữ một khoản lợi nhuận cho tương lai. Điều hòa thu nhập có thể được thực hiện bằng việc đánh giá cao hơn chi phí hiện tại hay đánh giá thấp hơn giá trị của tài sản trong thời gian doanh nghiệp đang hoạt động sinh lời tốt.

- *Che giấu các khoản nợ tiềm tàng*: Việc không ghi nhận các khoản nợ tiềm tàng có khả năng xảy ra và việc đánh giá thấp giá trị của chúng có thể làm tăng thu nhập ròng hoặc vốn chủ sở hữu của cổ đông.

- *Nợ phải trả bị ghi nhận thấp*: Các khoản nợ phải trả bị ghi nhận thấp, khi DN đang gặp khó khăn và nhà quản trị muốn cho nhà đầu tư thấy được bức tranh lạc quan về các rủi ro tài chính của DN. Nợ phải trả có thể bị ghi nhận thấp trong các điều kiện: Ghi nhận doanh thu quá mức; Nghĩa vụ về tiền lương và các khoản phải trả sau khi người lao động nghỉ hưu bị ghi nhận thấp.

- *Đánh giá thấp các khoản nợ lương hưu*: Các nghĩa vụ hưu trí có thể dễ dàng bị thao túng vì các khoản nợ phải trả xảy ra trong tương lai và các ước tính do công ty tạo ra được dùng để lý giải cho các khoản nợ này.

- *Thao túng hàng tồn kho*: Hàng tồn kho thể hiện giá trị của hàng hóa đã được sản xuất nhưng chưa được bán. Việc phóng đại giá trị hàng tồn kho sẽ dẫn đến giá vốn hàng bán bị đánh giá thấp hơn và do đó thu nhập ròng cao hơn một cách giả tạo, giả định rằng mức tồn kho và doanh số bán hàng thực tế không đổi.

Đối với Báo cáo kết quả hoạt động

Khi đánh giá BCTC của một công ty có lợi nhuận hoạt động lớn thì điều này có lợi cho quyết định đầu tư. Công ty có thể cố tình điều chỉnh lợi nhuận từ những giao dịch không thường xuyên trở thành lợi nhuận hoạt động. Những khoản lợi từ tái cấu trúc, bán tài sản hay phí đặc biệt có là những loại phổ biến trong lợi nhuận hoạt động nhưng những khoản lợi nhuận liên quan tới đầu tư thì không nằm trong khoản này. Những khoản từ kiện tụng, dành được, liên doanh liên kết cũng nằm trong lợi nhuận hoạt động, kể cả những khoản giảm tài sản khác. Thực tế nhiều khoản mục trong lợi nhuận hoạt động là những khoản mục liên quan tới hoạt động nhưng không thường

kỳ, nghĩa là không xuất phát từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường. Chính vì điểm này nên con số của lợi nhuận hoạt động thực tế có thể ở mức khiêm tốn.

Biện pháp tốt nhất để xem xét thực chất lợi nhuận hoạt động của công ty là cần xét đánh giá xem các thuyết minh để biết được thực chất nó ghi nhận những khoản nào. Doanh thu từ hoạt động chính là doanh thu chủ yếu của DN, bao gồm những khoản có chu kỳ và những khoản không có chu kỳ. Nếu chỉ tính những khoản có chu kỳ như doanh thu từ hoạt động bán hàng thì con số lợi nhuận hoạt động sẽ không như DN báo cáo. Việc này không ảnh hưởng tới kết quả cuối cùng nhưng sẽ ảnh hưởng đến kết quả tổng thể, kể cả khi đưa ra phân tích thì những con số này cũng không thể đạt mục đích tối đa. Từ đó, nhà đầu tư cần biết được những khoản nào là doanh thu từ hoạt động kinh doanh thuần, những khoản nào mang lại lợi nhuận nhưng không được tính là hoạt động kinh doanh.

Đối với Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Trong quá trình phân tích BCTC, thì báo cáo lưu chuyển tiền tệ cần xem trọng đặc biệt. Bởi vì, khi thực hiện hành vi KTST với những hành vi gian lận như ghi nhận sai doanh thu, khoản phải trả, phải nộp thì báo lưu chuyển tiền tệ có thể làm lộ ra những điểm yếu, nhất là tình huống phân loại nhằm dòng tiền "ra" và "vào" với mục đích "làm đẹp" hoạt động kinh doanh và hoạt động đầu tư.

Trong trường hợp cần thiết, DN dễ phân loại sai luồng tiền và hầu hết là tăng dòng tiền thuần của hoạt động kinh doanh thông thường (bằng cách chuyển dòng tiền ra của hoạt động này sang hoạt động đầu tư, hoặc chuyển dòng tiền vào của hoạt động đầu tư sang hoạt động kinh doanh thông thường), người đọc báo cáo sẽ cảm thấy yên tâm hơn khi nhìn thấy hoạt động kinh doanh thông thường tốt (Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh có lãi và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ với dòng tiền của hoạt động kinh doanh dương), đồng thời với hoạt động đầu tư đầy triển vọng (dòng tiền ra khá lớn, do đó có thể kỳ vọng trong tương lai sẽ thu lại nhiều hơn).

Chính vì vậy, nhà đầu tư cần xem xét những dòng nào có thể là dòng tiền từ hoạt động kinh doanh. Ngoài dòng tiền hoạt động kinh doanh thuần nên xem xét một cách tổng quát cả dòng tiền từ hoạt động tài chính, dòng tiền hoạt động đầu tư và dòng tiền tự do. Nếu một công ty thực hiện hành vi sáng tạo khi cố tình phân loại dòng tiền từ hoạt động khác vào hoạt động kinh doanh thì dòng tiền tự do của công ty vẫn âm. Xem xét thật kỹ các công ty có dấu hiệu gian lận trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ, thì dòng tiền đầu tư qua các năm âm và dòng tiền hoạt động không đủ để chi trả lại khoản này trong nhiều năm, từ đó dẫn tới phát hiện sai phạm.

6. ĐÁNH GIÁ ẢNH HƯỞNG CỦA KẾ TOÁN SÁNG TẠO ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP

Thực tế cho thấy, việc áp dụng KTST của các DN Việt Nam là phổ biến và đang có xu hướng gia tăng trong giai đoạn gần đây. Tần suất và mức độ áp dụng KTST phụ thuộc vào loại hình DN, trong đó, công ty TNHH, công ty cổ phần và DN

nhà nước là những loại hình DN có mức độ sử dụng KTST cao hơn so với các loại hình khác, bởi động cơ thực hiện KTST của các DN này chủ yếu nhằm tối ưu hóa lợi ích về thuế, tăng giá trị công ty và hoàn thành kế hoạch được giao. Mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng KTST đến tương lai và các quyết định kinh doanh của DN cũng chưa được ban điều hành và kế toán DN quan tâm đúng mức. Các đối tượng này chỉ tập trung vào các lợi ích trước mắt mà chưa quan tâm tới tác động tiêu cực trong dài hạn của các hành vi KTST.

Về bản chất, việc áp dụng KTST để điều chỉnh kết quả kinh doanh của DN chỉ là thủ thuật chuyển đổi lãi/lỗ giữa các kỳ (tổng lãi/lỗ của DN của cả giai đoạn là không đổi), do vậy, đến một thời điểm nhất định trong tương lai, hành vi KTST sẽ bị phát hiện khi DN không thể che giấu các khoản nợ hoặc lỗ lũy kế. Hậu quả là lòng tin của các nhà đầu tư, nhà cho vay, khách hàng, nhà cung cấp và các đối tượng sử dụng thông tin BCTC bị xói mòn.

Việc kết luận KTST có lợi hay gây hại cho DN, phần lớn tùy thuộc vào lý do, động cơ, cách thức sử dụng, bản chất và sự kiểm soát hành vi kế toán của DN. Do đó, cần đọc kỹ và rõ ràng BCTC của các công ty. Một số vấn đề quan trọng như là việc xem xét doanh thu của công ty ghi nhận là khi nào, đã cung cấp sản phẩm hay chưa, nó được công nhận tại thời điểm giao hàng hay kết thúc hợp đồng. Ngoài ra, việc ghi nhận doanh thu của công ty có kèm theo các khoản dự phòng, chi phí đào tạo, lắp đặt, các khoản về giảm giá khi khách trả lại hàng... Tất cả các điểm này cần làm rõ trong BCTC, từ đó xác định sự ảnh hưởng tích cực, tiêu cực của KTST đến BCTC của DN.

Có thể thấy, việc sử dụng KTST hợp pháp và gian lận kế toán có ranh giới không rõ ràng và rất khó xác định. Chính vì vậy, đây là ảnh hưởng tiêu cực đầu tiên có thể có tới DN, khi người thực hiện KTST không hiểu rõ bản chất hành vi của mình có bị coi là phạm pháp hay không, có thể sáng tạo đến mức nào trước khi bước qua ranh giới và vi phạm pháp luật. Điều này sẽ yêu cầu các cấp quản lý, ban giám đốc công ty phải nắm rõ GAAPs cũng như hiểu rõ và làm chủ hành vi kế toán của mình.

Một ảnh hưởng bất lợi khác của KTST đối với DN, đó là ảnh hưởng đến mục tiêu dài hạn của DN. Theo luồng ý kiến phản đối KTST nói trên, đôi khi người ra quyết định chỉ nhìn thấy lợi ích trước mắt, trong ngắn hạn mà bỏ qua các mục tiêu lớn trong dài hạn của DN. Một số hành vi KTST nếu kéo dài hay lặp lại nhiều lần có thể dần dần gây tổn thất lớn cho DN, đó là khi công ty đã lạm dụng, dẫn đến phụ thuộc vào KTST. Tuy nhiên, về lâu dài, nếu hoạt động kinh doanh của công ty thuận lợi mang lại lợi nhuận lớn thì việc dùng KTST trong một thời điểm nào đó là việc cân bằng lợi nhuận khả quan có thể mang lại. Do vậy, việc kết luận KTST có lợi hay gây hại cho DN, phần lớn tùy thuộc vào lý do /động cơ, cách thức sử dụng, bản chất và sự kiểm soát các hành vi kế toán của DN.

(1) Xét về góc độ tiêu cực: Khi sử dụng KTST với mục đích không tích cực, nó có thể là công cụ cho những kẻ tham nhũng hoặc che giấu hoạt động kinh doanh đang

giảm sút của công ty. Từ đó việc thực hiện Kế toán sáng tạo có thể gây hại không nhỏ cho nhà nước, các nhà đầu tư và nền kinh tế đất nước. Có thể kể đến một số hành vi như:

- Tăng khả năng huy động vốn của DN, hoặc để thuyết phục nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư vào DN hay khi đi vay các tổ chức tín dụng, nhà quản lý đã tìm cách điều chỉnh lợi nhuận để huy động vốn với chi phí thấp hơn. Từ đó sẽ dẫn tới DN sẽ có các hành vi điều chỉnh lợi nhuận để tránh vi phạm các điều khoản

- Tránh bị điều chỉnh từ các cơ quan nhà nước, như buộc giảm giá bán sản phẩm hay bị áp giá sàn trong một số thời điểm cụ thể; các công ty (Điện lực, Xăng dầu...) thường có xu hướng lựa chọn các phương pháp kế toán làm giảm lợi nhuận.

- Đạt được các lợi ích cá nhân (như thưởng, tăng lương, vị trí đang có...) mà giám đốc có thể được hưởng nhiều quyền lợi hoặc sở hữu nhiều cổ phiếu, giám đốc DN có thể điều chỉnh lợi nhuận tăng để đạt mục đích của mình.

- Giảm các khoản thuế phải nộp nhà nước; DN sẽ báo các lợi nhuận kế toán ở mức thấp để giảm số thuế phải nộp

(2) Xét về góc độ tích cực: Bản thân việc thực hiện KTST không phải là hành vi tiêu cực. Nó chỉ mang ý nghĩa tiêu cực khi động cơ của việc thực hiện là nhằm tạo ra thông tin sai lệch để đánh lừa những người quan tâm đến BCTC của DN mà thôi. Nó giúp tác động tích cực đến việc kinh doanh của DN và chỉ đúng hướng đầu tư cho các nhà đầu tư trong tương lai. Tùy thuộc vào từng quy định kế toán được ban hành, nó có thể ngăn chặn cũng như mở ra một cách mới để nhà quản trị đạt được mục tiêu lợi nhuận.

7. THỰC TẾ VIỆC ÁP DỤNG KẾ TOÁN SÁNG TẠO TẠI CÁC DOANH NGHIỆP Ở VIỆT NAM

Thực tế cho thấy, việc áp dụng KTST của các DN Việt Nam là phổ biến và đang có xu hướng gia tăng trong giai đoạn gần đây.

Sau sự kiện Công ty cổ phần Gỗ Trường Thành, mã chứng khoán TTF niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh xảy ra vào tháng 2/2016, với giá trị hơn 1.000 tỷ đồng hàng tồn kho biến mất trên BCTC, nhiều công ty niêm yết khác cũng đã bị phát hiện có vấn đề về BCTC. Sự việc làm cho các nhà đầu tư bị thiệt hại lớn dẫn tới niềm tin của họ vào tính minh bạch trên thị trường bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

Trường hợp khác như Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh (mã chứng khoán CII), để bù đắp cho sự trì trệ từ kinh doanh cốt lõi, CII đã đẩy mạnh các hoạt động đầu tư tài chính và đi kèm là thủ thuật Công ty này đã tận dụng lợi thế thương mại để khai khống thu nhập. Doanh thu hoạt động tài chính các năm 2014, 2015, 2016 lần lượt tăng trưởng phi mã so với cùng kỳ là 100% (624 tỷ đồng), 64% (1.029 tỷ đồng), 45,5% (1.500 tỷ đồng). Nhờ đó, lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ vẫn đảm bảo mức tăng trưởng ở mức 2 con số trong 3 năm qua.

Hệ quả của việc DN "nhào nặn" số liệu trên BCTC còn biểu hiện qua tình trạng số liệu trên BCTC trước kiểm toán của không ít doanh nghiệp niêm yết khác xa so với sau

kiểm toán, thậm chí có DN chuyển từ lãi trước kiểm toán BCTC sang lỗ.

Như vậy thực tế cho thấy rằng, các trường hợp lạm dụng hành vi KTST có thể đẩy DN tới bờ vực phá sản. Do đó, ranh giới giữa làm đẹp số liệu BCTC và hành vi gian lận, vi phạm pháp luật là rất mong manh. Chính vì vậy, cần thiết phải phân tích được nguyên nhân sụp đổ, động cơ thực hiện KTST của các vụ bê bối tài chính lớn trên thế giới, nhằm đúc rút kinh nghiệm cho các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Thứ nhất, tại thời điểm áp dụng KTST, thông thường các công ty này đều đang ở giai đoạn đi xuống về tài chính lẫn quản lý, nhưng luôn cố gắng dùng mọi cách để che giấu và làm sai lệch thông tin tới công chúng. Vấn đề lớn nhất của các công ty này là, sự yếu kém trong hoạt động kinh doanh và thiếu trách nhiệm của các cấp quản lý cùng sự vi phạm đạo đức kinh doanh. Bên cạnh đó, sự "mục ruỗng" từ bên trong bởi những người luôn tìm kiếm lợi ích cho riêng mình cũng làm ảnh hưởng xấu lan truyền nhanh chóng và dẫn đến cấu kết, thông đồng thực hiện sai phạm. Ví dụ, trong vụ bê bối Enron, đó là CEO Jeff Skilling và cựu CEO Ken Lay; đối với Lehman Brothers, đó là nhà quản lý cấp cao, các chuyên viên của công ty và thậm chí cả kiểm toán viên của hãng kiểm toán Ernst & Young, những người chịu trách nhiệm đối với sự minh bạch của BCTC, nhưng đã trực tiếp chỉ đạo thực hiện KTST bất hợp pháp, thông đồng bao che cho các sai phạm diễn ra, nhằm che giấu tình hình tài chính thực đang sa sút của công ty, lừa gạt công chúng và các nhà đầu tư.

Thứ hai, ngoài nguyên nhân từ nội tại thì có thể thấy trách nhiệm liên đới của các công ty kiểm toán đóng góp vào những vụ việc tai tiếng này. Trường hợp của Enron, Công ty kiểm toán lúc đó là Arthur Anderson chịu trách nhiệm kiểm toán, lưu giữ chi tiết các hoạt động tài chính của Enron cũng thú nhận rằng họ đã hủy bỏ một số lượng đáng kể các tài liệu kế toán nên không xác định được đầy đủ các sai phạm tài chính ở Enron. Arthur Anderson nhận thức được rằng, khi nào Enron còn tồn tại thì họ vẫn còn có được lợi nhuận thông qua các hợp đồng kiểm toán và tư vấn, chính vì thế mà họ dính líu vào quá trình thực hiện gian lận của Enron.

Từ một số nguyên nhân nội tại và bên ngoài nêu trên, có thể rút ra một số bài học các DN Việt Nam cần phải chú ý nếu không muốn đi theo vết xe đổ của những vụ bê bối tài chính này. Trước hết, về việc vận hành hoạt động kinh doanh của DN, chỉ khi DN có sức khỏe tài chính thực sự, họ mới có thể tự tin nói rằng sẽ không hoặc ít cần dùng đến các thủ thuật KTST để làm đẹp BCTC. Song trong thực tế, hoạt động kinh doanh của DN luôn biến động thăng trầm và có thể không đạt được kết quả như mong muốn. Do vậy, điều quan trọng chính là cách ứng xử của ban lãnh đạo, các nhà quản lý cấp cao của DN ứng phó khó khăn hay khủng hoảng. Việc tập hợp sức mạnh tập thể, áp dụng các kỹ năng quản lý để bình tĩnh xem xét, tìm cách giải quyết vấn đề minh bạch thay vì cố gắng che giấu thua lỗ là yếu tố quyết

định việc DN có dùng đến hành vi KTST hay không. Nếu các nhà quản lý quyết định sử dụng các thủ thuật để che giấu, làm sai lệch số liệu thì các khoản thua lỗ sẽ được tích tụ dần, đến một thời điểm đủ lớn có thể trở thành yếu tố dẫn đến phá sản cũng như đưa công ty vướng vào vòng lao lý.

Bên cạnh đó, không thể không bàn đến vai trò và trách nhiệm của các kiểm toán viên và công ty kiểm toán độc lập trong việc xác nhận tính trung thực và hợp lý của BCTC của DN. Bài toán dung hòa giữa lợi ích cho khách hàng và trách nhiệm của chính công ty đối với pháp luật và đạo đức nghề nghiệp luôn là bài toán khó cho mọi công ty kiểm toán. Do vậy, cách ứng xử của kiểm toán viên khi kiểm toán cho một công ty đang xuất hiện thua lỗ và có dấu hiệu sai phạm là rất quan trọng. Khi phát hiện thua lỗ, kiểm toán viên cần thẳng thắn bàn bạc và trao đổi với khách hàng nhằm tìm biện pháp giải quyết, thay vì lờ đi, bỏ qua hay bắt tay với khách hàng để làm đẹp số liệu. Một công ty kiểm toán nếu không lấy đạo đức, chuẩn mực nghề nghiệp làm kim chỉ nam hành động thì không thể đem lại lợi ích thực sự cho khách hàng cũng như khó có thể tồn tại và phát triển bền vững trong môi trường cạnh tranh gay gắt như hiện nay.

8. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Thực tế tại Việt Nam trong những năm gần đây, không ít DN niêm yết công bố kết quả kinh doanh thay đổi giữa trước và sau kiểm toán đã gây ra nhiều lo lắng cho nhà đầu tư và các cơ quan quản lý. Tại thời điểm áp dụng KTST, thông thường các công ty này đều đang ở giai đoạn đi xuống về tài chính lẫn quản lý nhưng luôn cố gắng dùng mọi cách để che giấu và làm sai lệch thông tin tới công chúng.

- Cần nhận thức rõ về bản chất của KTST. Bản thân việc thực hiện KTST không phải là hành vi tiêu cực. Nó chỉ mang ý nghĩa tiêu cực khi động cơ của việc thực hiện là nhằm tạo ra thông tin sai lệch để đánh lừa những người quan tâm đến BCTC của DN.

- Trong bối cảnh Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng với kinh tế toàn cầu, đặc biệt là tham gia các hiệp định thương mại tự do, những đòi hỏi về tính minh bạch tài chính rất cao. Vì vậy, cần nghiên cứu ban hành cơ chế, chính sách về việc trình bày BCTC của các công ty, nhất là các công ty niêm yết, nhằm hạn chế thấp nhất mặt tiêu cực của KTST. Nói cách khác, các hành vi KTST cần được kiểm soát chặt chẽ nhằm đáp ứng yêu cầu về minh bạch và chất lượng công bố thông tin. Thị trường chứng khoán tại Việt Nam đã và đang bước vào giai đoạn ổn định, chất lượng thông tin BCTC của các công ty niêm yết ngày càng được quan tâm

- Tăng cường kiểm soát hoạt động KTST bởi các DN có thể lợi dụng được hưởng các ưu đãi, chính sách hỗ trợ của Nhà nước; Giảm các khoản thuế phải nộp nhà nước, gây thất thu ngân sách nhà nước, ảnh hưởng đến sự phát triển minh bạch và bền vững của nền kinh tế quốc gia.

- Các DN cần cân nhắc việc sử dụng KTST. Bởi nếu dùng vào mục đích xấu, nhằm làm đẹp báo cáo, lừa đảo nhà đầu tư, cổ đông, cơ quan quản lý thì sớm hay muộn cũng sẽ bị phát hiện. Khi đó, DN không chỉ ảnh hưởng về mặt thương

hiệu, thị trường mà còn bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

- Các nhà đầu tư nên nghi ngờ và đọc kỹ các khoản mục BCTC để nhận biết, phát hiện các dấu hiệu KTST nhằm mục đích xấu. Chẳng hạn như: Khi đọc báo cáo lưu chuyển tiền tệ, nhà đầu tư cần xem xét những dòng nào có thể là dòng tiền từ hoạt động kinh doanh. Ngoài dòng tiền hoạt động kinh doanh thuần nên xem xét một cách tổng quát cả dòng tiền từ hoạt động tài chính, dòng tiền hoạt động đầu tư và dòng tiền tự do. Nếu một DN thực hiện hành vi sáng tạo khi cố tình phân loại dòng tiền từ hoạt động khác vào hoạt động kinh doanh thì dòng tiền tự do của DN này vẫn âm. Xem xét thật kỹ DN có dấu hiệu gian lận trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ, thì dòng tiền đầu tư qua các năm âm và dòng tiền hoạt động không đủ để chi trả lại khoản này trong nhiều năm, từ đó dẫn tới phát hiện sai phạm...

9. KẾT LUẬN

Bài báo đã đưa ra những vấn đề khái quát về KTST, đây là vấn đề cần được quan tâm trong giai đoạn hiện nay. Qua việc nêu ra các quan điểm về KTST, xác định bản chất, nội dung của KTST; đồng thời phân tích những ảnh hưởng của KTST đối với BCTC, đối với các DN và nền kinh tế; thông qua nghiên cứu thực tế KTST tại các DN, bài báo đã đưa ra được những kiến nghị đối với các DN để có một cách nhìn tổng thể khi áp dụng kế toán sáng tạo trong thực tế. Hy vọng bài báo cung cấp cho DN một cách hiểu rõ nhất về KTST, đồng thời giúp DN có được phương hướng để thực hiện các kế hoạch trong tương lai./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Charles W., Eugene E., 2011. *The Financial Numbers Game: Detecting Creative Accounting Practice*. Wiley, 416 pages.
- [2]. Naser K., 1993. *Creative financial accounting : Its nature and use*. 3rd edition, Prentice Hall, New York, USA, 431 pages.
- [3]. Dechow M., Slinger J., 2000. *Earnings Management: Reconciling the Views of Accounting Academics, Practitioners, and Regulators*. Accessed 12 February 2000, <URL: SSRN: <https://ssrn.com/abstract=218959> or <http://dx.doi.org/10.2139/ssrn.218959>>.
- [4]. Nguyen Thi Huong Lien, Dao Thi Ngan, 2017. *A Study of the Level of Applying Creative Accounting in Vietnamese Companies*. VNU Journal of Science: Economics and Business, No. 4, 47-54.
- [5]. Nguyen Khanh Thu Hang, Nguyen Thi Doan Trang, 2019. *Impacts of creative accounting on financial statemen*. Review of Finance issue 8, 16-19.
- [6]. Nguyen Van Hoa, 2020. *Effects of innovative accounting on the financial statements*. Review of Finance issue 2 - september, 63-66.

AUTHORS INFORMATION

Le Thi Thanh Hai¹, Nguyen Hong Nga²

¹Department of Training Administration, Thuongmai University

²Faculty of Accounting - Auditing, Thuongmai University